

Văn học Phật giáo là một bộ phận cấu thành quan trọng của Văn học Việt Nam. Bộ phận này gắn với triết học Phật giáo và môn học Phật giáo nói chung, thi nhân học và môn học thi nhân nói riêng thông qua trung gian ảnh hưởng và liên quan đến bốn thể loại văn và giới thoát luận. Phật giáo Thiền tông quan niệm “Phật tính bình đẳng”; “Nhất chân pháp giới” thể tính bốn thể của mọi chúng sinh bao gồm các loài hữu tình và vô tình đều không khác nhau. Truy thủ, ngộ nhập, sống trong và với con người thế, với chân tâm Phật tánh trong mọi chúng sinh là mục tiêu lý tưởng của cuộc đời của các văn sĩ Phật giáo. Đây chính là sự giới thoát với ý nghĩa cao nhất, tuy nhiên đôi khi, thoát ra ngoài mọi sự trôi bu. Sự nhất quán này thể hiện rõ trong học thuật văn học Phật giáo, mà toàn bộ các tác phẩm thể hiện thể Lý Trần là minh chứng xác thực.

Thật khó có thể tìm hiểu một cách rõ ràng một hiện tượng văn học nói chung, một tác phẩm văn học nói riêng mà bỏ qua việc tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật. Bởi vì văn học là nghệ thuật ngôn từ, mà ngôn ngữ là yếu tố thể hiện của văn học. Do đó, muốn khám phá một cách toàn diện một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ nào không thể không nghiên cứu nghiêm túc và phê phán đối với ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm.

Với sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu văn học như hiện nay, thì văn bản nghệ thuật trong tính chất của nó là cần sự khách quan quan trọng nhất để nghiên cứu tác phẩm, mà các quy tắc về ngôn ngữ là thể thức tiếp và đầu tiên. Nghiên cứu tác phẩm văn học là phải hiểu rõ toàn bộ ngữ cảnh, mà ngữ cảnh tiếp nhận nhất là các quy tắc ngôn ngữ của văn bản tác phẩm. Điều kiện cần để hiểu được ý nghĩa tác phẩm là phải hiểu rõ nghĩa của các từ, câu, đoạn và nghĩa của toàn bộ văn bản. Chính bản thân ngôn từ của tác phẩm là cái gọi là ngôn từ thể hiện trong ngữ cảnh, thể hiện nghệ thuật trong tác phẩm văn học sinh ra từ ngôn từ. Vì vậy, nghiên cứu một cách nghiêm túc về một tác phẩm văn học là phải lý giải văn bản ngôn từ làm cơ sở. Tác giả của tác phẩm cũng thông qua đường dẫn của văn bản ngôn từ để thể hiện ý nghĩa thể của tác phẩm.

Ngôn từ là một yếu tố quan trọng trong sáu điều cần yếu dùng để đánh giá đúng một tác phẩm văn học theo quan điểm của Lưu Hi vọng trong tác phẩm lý luận văn học kinh điển của châu Á Văn tâm điêu long: “Một là xem tác phẩm chọn thể tài nào; hai là xem nó bố trí nội văn (ngôn từ); ba là xem nó tiếp thu những gì của người đi trước và sáng tạo những gì; bốn là xem phương pháp nó biểu hiện; năm là xem ý nghĩa các điển tích nó dùng; sáu là xem âm nhạc của nó. Nếu đã thể hiện các phương pháp này thì thể ý được hay chưa của tác phẩm”^{*}.

Bản thân ngôn từ nghệ thuật mang trong mình kinh nghiệm, thể nghiệm, trải nghiệm của chủ

ta nên mở mắt khi bắt đầu, khi “nghe lời”. Khi nghe lời này là đi vào kiến thức, dần dần sẽ bùng nổ, khai thông tiềm thức vô biên của trí tuệ, khi đó các giới lãnh hội trở thành tiếp xúc thông điệp của tác giả một cách chính xác nhất.

Đôi khi nhận quan của các tác giả, ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm văn học thi nhân Phật giáo được xem như một “pháp” bình đẳng với các “pháp khác”, vượt ra ngoài mọi qui định và vượt ý nghĩa ta nên mở mắt khi ngôn ngữ nghệ thuật mới: ngôn ngữ thi nhân, một loại siêu ngôn ngữ. Bởi vì phá vỡ quan niệm nghệ thuật về ngôn ngữ này bắt buộc cho sự bắt đầu toàn của ngôn ngữ trong việc phản ánh, biểu hiện, tái tạo hiện thực khách quan và nhất là chi sâu vô tận của tâm hồn người, của con người thật trong con người, mà ngôn ngữ thông thường khó có thể thể hiện được, nếu không muốn nói là không thể hiện được.

Thì siêu ngôn ngữ này không những không phải là một ngôn ngữ gì đó của ngôn ngữ nghệ thuật được sử dụng trong phạm vi ý nghĩa vốn có, mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của ngôn ngữ đến mức tối đa, phát huy công năng của ngôn ngữ nghệ thuật đến vô giới hạn. Chỉ với siêu ngôn ngữ mới có thể đáp ứng được nhu cầu phản ánh biểu hiện sự muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, mà chi sâu bí ẩn của tâm hồn người là một mặt của màu mặt trời.

Tính phi lý của thi nhân kích thích mãnh liệt sự tò mò và lòng ham hiểu biết chân lý, đó là cách thức giải phóng, khai thông nghệ thuật tiềm thức to lớn vô biên ẩn tàng trong sâu thẳm mỗi con người. Tính chủ ý ngoài lời, âm thanh ngoài dây đàn không thể hiểu theo nghĩa lời ít ý sâu, có nhiều tầng ý nghĩa để cho người tiếp nhận, có thể lĩnh hội theo cách của sự liên tưởng mà là lúc khi còn vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường của ngôn ngữ.

Chúng ta cùng đọc một đoạn thơ để thấy giá trị của thi nhân sự và được trong chương Ngộ thanh của tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh:

Học trò thưa với thầy rằng: Lý không thể nói theo hết được, còn ham muốn có thể chết hết được không?

Thầy trả lời: Không có thì đừng, muốn có thì đừng thì không được. Nếu có chầy chểnh chàng, chầy hoài sẽ có. Là a chầy là m đừng, đừng thì chầy bùng lên.

Học trò thưa tiếp với thầy: Có những gì không phải là những gì không?

Thầy nói rằng: Nếu những gì được xem là những gì thì không phải là những gì thật.

T r ả i h ỏi: Có là gì không phải là là không?

Thầy đáp: Nếu là được xem là là thì đó là là gì. Những gì thật thì nóng được, là thật thì là nh được. Cho nên người nào có ham muốn thì không ham muốn, ai không có lòng ham muốn thì ham muốn

(Ngô Thì Nhậm, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh).

Nói cách khác, thông điệp thật sự mà thiền sư phát ra không thể nào cảm nhận được và nên bỏ qua duy luận lý thông thường mà chỉ có thể đạt tới bằng phương pháp Thiền trực chỉ. Như có người hỏi:

“Ngôn ngữ để đo lường là thế nào?”

Thiền sư Viên Chiếu đáp:

Giác ngộ tùy phong xuyên trúc đáo, Sơn nham đá nguyệt quá tòng lai. (Tiếng sóng theo gió xuyên tre đến, Sơn nham đá nguyệt quá tòng lai).

Vách núi mang trắng hiên vọng t (Viên Chi u, Tham đ hiên quy t).

Hai câu thơ d y hình nh sinh đ ng này n u dùng t duy lý tính, suy lu n theo c u tr ng liên t ng thì s d r i vào suy di n t bi n, không thơ đ t đ n thông đ p mà tác gi mu n th hi n.

Đ c nh ng tác ph m văn h c thi n Ph t giáo, ta không ph i ch đ c nh ng gì ý nghĩa c a ngôn ng thông th ng mà là lĩnh h i tr c ti p thông đ p b ng cách “l y tâm h i tâm”, b ng tr c c m, tr c h i, không thông qua t duy lý tính. Ch có nh v y m i có th đ c đ c cách nói ngh ch lý khác th ng, phi lu n lý, không th th y đ c trong cu c s ng:

Đ c tri đoan đích ý, Th ch h gi o kim ng u.

(Mu n bi t nghĩa đích th t, H đá c n trâu vàng) (Tu Trung, Th đ đ).

Đ tr l i câu h i: Th nào là b n ý? Thi n s Viên Chi u đáp b ng hai câu thơ tuy t di u:

Xu ân ch c hoa nh c m, Thu lai đ p t hoàng. (Xuân đ t hoa nh g m, Thu v lá t vàng)
(Viên Chi u, Tham đ hiên quy t). Nh ng câu thơ v i hình nh tuy t m , giàu s c g i c m này m i nghe t ng ch ng nh ch ng ăn nh p gì v i câu h i đ t ra. Có bi u đ t v i ngôn ng phi lu n lý nh trên thì m i đ s c đ p tan nh ng c ch p, v ng m c c a ng i h c, nh m khai thông trí tu chân th t c a h .

M t đ c tr ng n a c a ngôn ng th thi n là vô ngôn. Đ bi u l , hi n bày chân tâm trong sáng, u huy n, t ch di u, không màu không mùi, không hình không dáng, không vuông không tròn, h c di n t tr ng hu ng giác ng , bùng v chân lý, giây phút thăng hoa trí tu không gì h n là vô ngôn. Cùng v i thi n ng (siêu ngôn ng), vô ngôn s b tíc thêm cho s b t toàn, b t c p c a ngôn ng .

Ngôn ng ngh thu t, dù đ c s d ng tuy t di u đ n đâu đi ch ng n a, cũng mang m t ý nghĩa gi i h n nh t đ nh nào đó, vô ngôn đ a nó đ n cõi vô h n.

Hãy lòng cùng Trọn Quang Trọn hòa mình vào cội nh chi u hôm nay i ngôi chùa c trong bài Đ Gia Lâm :

... Xuân vẫn hoa dung b c, Lâm u thi n v n tr ng.

Vũ thu thiên nh t bích,

Trì tĩnh nguy t phân l ng. Khách kh tăng vô ng , Tùng hoa mẫn đ a h ng.

(Xuân chày hoa m ng m nh, R ng v ng ti ng ve ngân. M a thu tr i xanh bi c,

Áo nh hi n bóng trắng. Khách v tăng không nói, Hoa tùng ngát c sân)

Lúc này, th t không m t ngôn ng nào di n t h t đ c cái không gian trong sáng c a c nh. C nh v t thanh u, tĩnh l ng, không khí mát m . M t s thanh khi t vô biên tuy t di u c a đ t tr i khi n cho con ng i thanh l c h t m i u t phi n nảo, v ng m c, đ đ t t i s yên bình, an l c, thanh th n vô h n.

Chúng tôi nghĩ r ng, “Thi n ng ” và “vô ngôn” ...là nh ng đ i t ng đ c bi t, là m nh đ t vô cùng màu m , có s c h p đ n và lôi cu n l k , r t c n đ c gi i nghiên c u văn h c, sáng tác văn h c chú ý khai thác, sáng t o h u làm cho đ i s ng văn h c Ph t giáo nói riêng, văn h c dân t c nói chung càng thêm đa đ ng, phong phú.

TS.THT

Chú thích:

1. Lưu Hữu Phước (1999), Văn tâm điều long, Nxb Văn học, Phan Ngọc dịch và chú thích, trang 273, 274.